

Số: /BC-UBND

TP. Bắc Giang, ngày 01 tháng 3 năm 2024

## BÁO CÁO

Sơ kết 02 năm triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn thành phố

Thực hiện Công văn số 791/UBND-KGVX ngày 20/02/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc tổ chức sơ kết và xây dựng báo cáo sau 02 năm thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022; UBND thành phố báo cáo kết quả triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

### I. TÌNH HÌNH CHUNG

#### 1. Thông tin chung

Thành phố Bắc Giang là trung tâm kinh tế - văn hóa - chính trị của tỉnh Bắc Giang; phía Bắc giáp huyện Tân Yên; phía Đông giáp huyện Lạng Giang; phía Nam giáp huyện Yên Dũng; phía Tây giáp huyện Việt Yên; diện tích tự nhiên 66,64 km<sup>2</sup>, gồm 16 đơn vị hành chính (10 phường và 6 xã); dân số gần 185.000 người và nhiều cơ quan Trung ương, quân đội, các cơ quan của tỉnh, doanh nghiệp đóng trên địa bàn. Những năm qua, thành phố Bắc Giang là một trong những địa phương phát triển mạnh về kinh tế, xã hội, đô thị. Những thành tựu trong phát triển kinh tế đã tạo những nguồn lực cơ bản, quan trọng phát triển văn hóa - xã hội, trong đó có GD&ĐT. Đặc biệt, tốc độ đô thị hóa cao, nhiều khu dân cư, khu đô thị hình thành, thu hút nhiều người dân từ nơi khác đến định cư, lao động, làm ăn, sinh sống đã tạo áp lực lớn trong việc đầu tư, xây dựng trường, lớp, cơ sở vật chất (CSVC)... nhưng hàng năm các chỉ tiêu nhập học của trẻ đầu cấp đều được thực hiện tốt, đảm bảo cho trẻ em trong độ tuổi đi học đều được đến trường.

Trong những năm qua, thành phố Bắc Giang đã nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh thông qua các nghị quyết, chương trình, dự án và sự chủ động, quyết tâm chính trị, đầu tư nguồn lực; vì thế cơ sở hạ tầng của thành phố đã có sự phát triển khá. Hạ tầng cơ sở được quan tâm, đầu tư; tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và những điều kiện địa lý, tự nhiên thuận lợi... đã tạo nhiều điều kiện trong phát triển GD&ĐT của thành phố. Công tác xã hội hóa giáo dục được đẩy mạnh và đạt được nhiều kết quả tích cực. Hệ thống giao thông trên địa bàn thành phố đã có sự phát triển tương đối đồng bộ, các tuyến đường trục phường, xã và các tuyến tỉnh lộ qua địa phận thành phố được đầu tư nâng cấp, cải tạo và xây dựng khá đồng bộ, hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi về giao thông, thương mại, dịch vụ phát triển, đời sống kinh tế của Nhân dân được cải thiện. Công tác xóa đói giảm nghèo, chính sách an sinh xã hội được thực

hiện có hiệu quả; quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

**2. Tình hình giáo dục thành phố:** Thành phố Bắc Giang có 55 trường và 85 cơ sở mầm non (MN) độc lập, tư thục. bậc MN: 22 trường, 85 cơ sở mầm non độc lập tư thục với tổng số 522 nhóm, lớp và 12.292 trẻ. bậc Tiểu học (TH): 16 trường, 491 lớp với 18.852 HS, huy động 3.946/3.946 trẻ 6 tuổi vào lớp 1, đạt 100% kế hoạch. bậc Trung học cơ sở (THCS): 17 trường, 342 lớp, 13.596 HS.

## II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

UBND thành phố đã chỉ đạo phòng GD&ĐT, phòng Văn hóa và Thông tin cùng các cơ quan, đơn vị tham mưu UBND thành phố kịp thời ban hành các văn bản tổ chức thực hiện tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn thành phố” kết hợp lồng ghép với các Kế hoạch, Đề án khác như: Kế hoạch số 60-KH/TU ngày 24/9/2014 của Ban Thường vụ Thành ủy Bắc Giang về đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Kế hoạch số 131/KH-UBND ngày 19/9/2019 của UBND thành phố về việc triển khai thực hiện Chương trình GDPT mới theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 18/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện đổi mới Chương trình, SGK giáo dục phổ thông để tổ chức thực hiện; Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 20/9/2022 của UBND thành phố ban hành Đề án nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo thành phố Bắc Giang giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 06/01/2022 của UBND thành phố về chuyển đổi số thành phố năm 2022; Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 06/4/2021 của UBND thành phố nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh trong trường MN, TH và THCS trên địa bàn thành phố giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch 123/KH-UBND ngày 29/7/2022 về nâng cao Chỉ số chuyển đổi số (DTI) thành phố Bắc Giang năm 2022 và các năm tiếp theo; Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 29/7/2022 thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực số cho thanh, thiếu niên; phát huy vai trò nòng cốt, đi đầu của các cấp bộ đoàn trong chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang” Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 06/9/2022 của UBND thành phố về thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Bắc Giang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hàng năm của UBND thành phố về thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030... Chỉ đạo phòng GD&ĐT ban hành các kế hoạch, văn bản thực hiện giai đoạn và từng năm học phù hợp.

Chỉ đạo ngành giáo dục phổ biến, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức về nội dung chuyển đổi số lồng ghép vào các cuộc sinh hoạt Đảng, họp cơ quan, trong các văn bản chỉ đạo; lồng ghép việc chỉ đạo, phổ biến tới hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn thành phố về

nội dung chuyển đổi số trong các cuộc họp giao ban Hiệu trưởng, sơ kết học kì, tổng kết năm học và trong các văn bản chỉ đạo; yêu cầu các trường quán triệt đến CBQL, giáo viên, nhân viên, học sinh nhà trường về nội dung chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước về tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ ngành giáo dục; CBQL, giáo viên, nhân viên tham gia đầy đủ tập huấn về chuyển đổi số, sử dụng phần mềm quản lý văn bản của UBND thành phố và các nhiệm vụ chuyển đổi số ngành giáo dục.

### **III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**

#### **1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo**

UBND thành phố đầu tư đồng bộ hệ thống mạng Internet cho các trường MN, TH, THCS công lập trên địa bàn thành phố, với số tiền 3,1 tỷ đồng; đầu tư hệ thống quản lý trường học thông minh với 273 Camera nhận diện khuôn mặt và các thiết bị kèm theo với số tiền 2,4 tỷ đồng; mua sắm trang thiết bị dạy học lớp 2, lớp 6 gồm 185 bảng tương tác thông minh và hệ thống bảng trượt cùng nhiều đồ dùng thiết bị với số tiền 23,8 tỷ đồng.

33/33 trường Tiểu học và THCS có phòng máy tính phục vụ dạy và học. Tỷ lệ học sinh/máy bậc TH 32 học sinh/máy tính; bậc THCS 22 học sinh/máy tính.

Đã đầu tư, trang bị cơ sở vật chất, các điều kiện phục vụ cho hoạt động ứng dụng CNTT và tổ chức dạy học Tin học được duy trì thường xuyên; hệ thống mạng Internet duy trì bảo đảm nhu cầu sử dụng tại các nhà trường với công nghệ FTTH, 100% các trường được kết nối mạng Internet tốc độ cao, các trường đang tiếp tục rà soát, nâng cấp hạ tầng bảo đảm phục vụ nhu cầu ứng dụng CNTT và chuyển đổi số theo chỉ đạo của ngành.

#### **2. Kết quả chuyển đổi số hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học**

100% học sinh tiểu học và THCS học theo Chương trình GDPT 2028 được học môn Tin học.

100% các trường duy trì hiệu quả hệ thống CSDL ngành Giáo dục; duy trì áp dụng hồ sơ sổ sách điện tử tại tất cả các trường mầm non, tiểu học, THCS. Tăng cường sử dụng hiệu quả các phần mềm trong nhà trường như: kế toán, các khoản thu, phần mềm lương, bảo hiểm, cán bộ công chức viên chức, kiểm định chất lượng, cơ sở dữ liệu ngành, bồi dưỡng đánh giá giáo viên, khẩu phần ăn, xét tốt nghiệp, ứng dụng hồ sơ sổ sách điện tử (học bạ, sổ điểm), kế hoạch bài giảng trong nhà trường. Tiếp tục triển khai hệ thống học liệu, khai thác trực tuyến trên phần mềm Baitap12BG dành cho HS Tiểu học tỉnh Bắc Giang. Tổ chức hướng dẫn sử dụng hồ sơ sổ sách điện tử trong các cơ sở giáo dục, hướng dẫn quản lý, khai thác sử dụng hồ sơ điện tử. Thực hiện nội dung chuyển đổi số (gồm Học bạ điện tử, Bảng tổng hợp đánh giá kết quả HS, Thư viện số, Quản lý hồ sơ chuyên môn trên môi trường số) ở cấp tiểu học. Tăng cường đầu tư CSVN, hạ tầng công nghệ thông tin; bồi dưỡng đội ngũ về kỹ năng công nghệ thông tin sẵn sàng triển khai thực hiện các nội dung cụ thể về chuyển đổi số theo kế hoạch.

Đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học thông qua dạy học môn Tin học, tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn. Chỉ đạo phòng GD&ĐT lựa chọn 02 trường TH (Ngô Sĩ Liên, Võ Thị Sáu) thực hiện thí điểm dạy học giáo dục kỹ năng công dân số. 100%CBQL, giáo viên, nhân viên và những học sinh THCS đủ tuổi được cấp CCCD, kích hoạt mã định danh điện tử.

Các trường học triển khai giải pháp thanh toán không dùng tiền mặt tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố qua 02 năm đã đạt hơn 38,6 tỷ đồng. Thực hiện chữ ký số đối với kế toán, CBQL các trường MN, TH, THCS trên địa bàn.

Thực hiện nghiêm giải quyết TTHC không yêu cầu người dân phải xuất trình, nộp Sổ hộ khẩu theo quy định của Luật Cư trú và các văn bản hướng dẫn Luật Cư trú, Chỉ thị số 733/CT-GDDT ngày 10/5/2023 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục.

Phát động CBQL, giáo viên đẩy mạnh khai thác các dữ liệu trên các kho học liệu số của Bộ GD&ĐT, xây dựng kho dữ liệu tư liệu bài giảng điện tử, các học liệu điện tử để chia sẻ phục vụ dạy và học, nhất là các tài liệu về sáng kiến kinh nghiệm, các bài thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, cấp thành phố, cấp tỉnh, các bài dạy sinh hoạt chuyên môn, trong đó chú trọng các bài giảng, tài liệu hay, hiệu quả trong thực hiện CTGDPT 2018 để đưa lên cổng thông tin điện tử của phòng và các trường, với tổng số hơn 2100 học liệu, bài giảng. Nhằm phát triển văn hóa đọc cho học sinh, ngành giáo dục đẩy mạnh ứng dụng thực hiện Thư viện số, tiêu biểu là Thư viện trường THCS Lê Quý Đôn, TH Đình Kế, Ngô Sĩ Liên đã xây dựng nền tảng quản lý hiện đại, theo phương châm: “Thư viện số là sự tương tác giữa người sử dụng với thư viện để phục vụ chính người sử dụng”. Thư viện này đã kết nối với Thư viện của các trường Đại học, Viện nghiên cứu trong và ngoài nước như: Đại học Sư phạm Hà Nội, Bách Khoa, Kinh tế quốc dân, Luật, Quốc Gia; thư viện các trường Đại học: James Cook (Singapore), Cambridge (Anh), Harvard, Đài Loan...

100% cán bộ, giáo viên, nhân viên sử dụng thành thạo máy tính. 100% cán bộ, giáo viên có điện thoại thông minh, máy tính cá nhân. Trường có hệ thống camera an ninh bảo đảm hoạt động 24/24 giờ. Tiếp tục duy trì hiệu quả các nền tảng hỗ trợ dạy học trực tuyến, đảm bảo linh hoạt, chủ động của toàn ngành cũng như thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý, dạy và học.

100% các trường tiểu học, THCS trên địa bàn thành phố thực hiện đánh giá mức độ chuyển đổi số theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GD&ĐT năm 2023, các tiêu chí đều được đánh giá mức Đạt.

Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh dành cho HS trung học, trong 02 năm qua đều đạt thành tích cao và đứng vị trí thứ nhất trong các huyện, thành phố (Năm 2023, có 03 giải Nhì; năm 2022 có 03 dự án đạt giải: 01 giải Nhì, 02 giải Ba), tiếp tục là đơn vị đứng đầu tỉnh trong cuộc thi KHKT cấp tỉnh. Kết quả tham dự thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật và cuộc thi sáng tạo thanh thiếu niên

nhi đồng cấp tỉnh nhiều năm là đơn vị có giải, nhiều triển vọng.

Công tác giáo dục gắn với nghiên cứu khoa học được quan tâm chỉ đạo, nhiều GV đã có đề tài, sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh, cấp thành phố được ứng dụng trong ngành, đặc biệt là các đề tài về bồi dưỡng HS giỏi và thí nghiệm thực hành. Ngành giáo dục thành phố đã có 45 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở được triển khai và nghiệm thu.

Đã hình thành kỹ năng ở một số hoạt động nghiên cứu khoa học trong các giờ học (biết phân tích, so sánh kết quả, thu thập dữ liệu, xử lý thông tin). Đây là cơ sở tiền đề để đạt được mục tiêu của đổi mới căn bản toàn diện giáo dục.

Ngành giáo dục thực hiện áp dụng các trang thiết bị dạy học hiện đại và ứng dụng CNTT trong quản lý, dạy học hiệu quả; dạy học qua internet, trên truyền hình; tổ chức giao ban, hội họp trực tuyến; thường xuyên đưa tin các hoạt động giáo dục trên trang web của đơn vị, trang thông tin điện tử của ngành, thành phố và Sở GD&ĐT. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn nghiên cứu bài học cấp quốc tế với các 02 chuyên gia giáo dục người Nhật Bản và 02 tiến sĩ, giảng viên thuộc Đại học Monash (Ô-xtrây-li-a).

### **3. Kết quả chuyển đổi số trong hoạt động quản trị, quản lý và cơ sở dữ liệu**

Đã phối hợp với Công ty OMT xây dựng ứng dụng (app) chuyển đổi số trong phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh HS cho các trường MN, TH, THCS.

100% CBQL, giáo viên trên địa bàn thành phố có máy tính cá nhân kết nối internet; sử dụng thành thạo khai thác tài liệu, ứng dụng dạy học, họp, sinh hoạt chuyên môn qua các ứng dụng zalo, facebook, zoom, microsoft team, google meet....; 100% học sinh các trường tiểu học, THCS có thể sử dụng các ứng dụng trên để học tập trực tuyến, trao đổi học tập, tương tác với giáo viên và các bạn học sinh. Mỗi nhà trường trang bị thiết bị phục vụ họp trực tuyến; có kho tư liệu bài giảng, kho tư liệu để phục vụ cho CBQL, giáo viên, học sinh khai thác, sử dụng, tải về phục vụ cho dạy và học.

### **4. Kết quả triển khai dịch vụ trực tuyến**

17/17 trường THCS tổ chức cho học sinh bậc THCS định kỳ và thường xuyên đến tham quan và trải nghiệm làm thủ tục hành chính dịch vụ công mức độ 3 tại Bộ phận một cửa của thành phố hoặc phường, xã với số lượng trên 12.000 lượt.

100% văn bản đi của phòng GD&ĐT được ký số và ban hành điện tử, các văn bản đến được xử lý trên hệ thống QLVB; giao quyền kí hồ sơ thủ tục chuyển trường cho Hiệu trưởng các trường THCS; 100% các hồ sơ xác nhận giáo dục kỹ năng và ngoài giờ chính khóa được thực hiện tại bộ phận Một cửa. Rà soát, rút ngắn thủ tục chỉnh sửa văn bằng, chứng chỉ.

### **5. Kết quả phát triển nguồn nhân lực**

Toàn thành phố có 23 giáo viên có trình độ đào tạo Tin học, đáp ứng yêu cầu dạy và học Tin học tại các trường.

Chỉ đạo phòng Văn hóa và Thông tin phối hợp với phòng GD&ĐT, các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tập huấn chữ ký số cho 100% CBQL, Kế toán các trường MN, TH, THCS trên địa bàn thành phố; đề nghị cấp chứng thư số cho 100% CBQL các trường.

100% các trường đã thành lập ban chỉ đạo Chuyển đổi số do Hiệu trưởng làm trưởng Ban; đồng thời xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đảm bảo phù hợp, hiệu quả.

100% CBQL, giáo viên có tài khoản bồi dưỡng thường xuyên để bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

**1. Đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông:** Phối hợp với các Bộ, Ban, ngành có chính sách đãi ngộ phù hợp dành cho đội ngũ cán bộ, viên chức làm nhiệm vụ chuyên trách, kiêm nhiệm CNTT và chuyển đổi số tại các nhà trường.

**2. Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông:** Trong điều kiện không có nhân lực chuyên trách về an toàn thông tin, đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông có hướng dẫn, hỗ trợ các ngành rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống cấp độ an toàn thông tin gắn với hướng dẫn dự trù kinh phí bảo đảm duy trì các hệ thống thông tin an toàn theo các cấp độ được phê duyệt.

Trên đây là kết quả sơ kết 02 năm triển khai thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn thành phố. UBND thành phố trân trọng báo cáo./.

***Nơi nhận:***

- Sở GD&ĐT (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Các phòng: GD&ĐT; VHHT;
- VP: LĐ, CVVX;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Đính**

**BIỂU SỐ LIỆU THỐNG KÊ****Kết quả 02 năm thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ***(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2024 của UBND thành phố)*

<b>STT</b>	<b>Cơ quan ban hành</b>	<b>Nội dung</b>
1	Số lượng nhà giáo (giáo viên) được trang bị (có) máy tính (máy tính để bàn, máy tính bảng, máy tính xách tay)/đường truyền Internet/phần mềm để tham gia các hoạt động dạy, học trực tuyến	Tổng số giáo viên có máy tính: 2.023, đạt tỉ lệ: 100%
2	Người học (học sinh) được trang bị (có) máy tính (máy tính để bàn, máy tính bảng, máy tính xách tay)/ đường truyền Internet/ phần mềm để tham gia các hoạt động dạy, học trực tuyến	- Tổng số học sinh có máy tính: 32.448, đạt tỉ lệ: 100% - Tổng số học sinh có đường truyền Internet: 32.448, đạt tỉ lệ: 100%
3	Triển khai nền tảng dạy và học trực tuyến	- Số nền tảng: 1500 Microsoft Office 365; 1780 Google Meet và các nền tảng như Zoom, Zavi, K12 - Số nền tảng là sản phẩm trong nước: 02 - Số lượng học sinh tham gia sử dụng nền tảng, đạt tỉ lệ: 100% .
4	Cung cấp các chương trình đào tạo (cấp bằng) theo hình thức từ xa, trực tuyến	Không
5	Tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến	Tỉ trọng nội dung triển khai dưới hình thức trực tuyến ở bậc tiểu học chiếm 28% Tỉ trọng nội dung triển khai dưới hình thức trực tuyến ở bậc trung học chiếm 35%
6	Triển khai học trực tuyến trong các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc	Không

STT	Cơ quan ban hành	Nội dung
7	Triển khai đào tạo người học lấy văn bằng đại học thứ hai tại các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc (trong đó, thời lượng đào tạo bằng hình thức trực tuyến $\geq 50\%$ )	Không
8	Triển khai hệ thống quản trị, quản lý dựa trên dữ liệu và công nghệ số	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổng số cơ sở giáo dục đã triển khai: 55 đạt tỉ lệ: 100%</li> <li>- Số lượng người học được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất: 44.790 đạt tỉ lệ: 100%</li> <li>- Số lượng nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với định danh thống nhất: 2023 đạt tỉ lệ: 100%</li> <li>- Số lượng các cơ sở giáo dục đào tạo quản lý hồ sơ số đối với cơ sở vật chất, thiết bị và các nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu: 33, đạt tỉ lệ: 60 %</li> <li>- Số lượng hồ sơ công việc tại cấp phòng được vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số đạt tỉ lệ: 100% (trừ hồ sơ mật)</li> </ul>
9	Triển khai dịch vụ hỗ trợ người học, người dân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (hoặc mức độ 3 nếu không phát sinh thanh toán): 44, đạt tỉ lệ: 100%</li> <li>- Số lượng hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 495, đạt tỉ lệ: 100%</li> <li>- Số lượng (ước tính) người học, phụ huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở giáo dục: 44700, đạt tỉ lệ: 99,8%.</li> <li>- Số lượng (ước tính) tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục: 2860, đạt tỉ lệ: 100%</li> </ul>